

TERM 1 CIE 1 PLANNING WEEK 3 (26th – 30th August)

GLOBAL ENGLISH 1	MATHS 1	SCIENCE 1	SMART START 1
Page: 18 – 23 Vocabulary Chair / Chairs: 1 cái ghế/ những cái ghế Ruler / Rulers: 1 thước kẻ/ những thước kẻ Backpack: balo Clock: đồng hồ Pen / Pens: 1 bút mực/ những bút mực Pencil / Pencils: 1 bút chì/ những bút chì Crayon /Crayons: 1 bút màu/ những bút màu Table: bàn Use a computer: sử dụng máy tính Draw: vẽ Write: viết Read: đọc	Learner Book: 31-41 Workbook: (27-29) + (37-42) 1.5 Odd or even 2.1 Geometry (2d shapes) Vocabulary: Odd: số lẻ Even: số chẵn Pattern: quy luật/ kiểu hình Pair: cặp Circle: hình tròn Rectangle: hình chữ nhật Square: hình vuông Triangle: hình tam giác Side: cạnh Straight: thẳng Curved: cong	Learner Book: 9 - 11 Workbook: 8-10 1.2 Parts of a plant 1.3 Plants need Vocabulary Roots: rễ Stem: thân cây Leaf (leaves): lá cây Flower: hoa Fruit: trái cây Soil: đất Water: nước Air: không khí Sunlight: ánh nắng Sentence: It's a <u>stem</u> . It needs _____. It doesn't need _____.	Page: 6 - 9 Vocabulary stand up: đứng lên sit down: ngồi xuống listen: nghe father: ba mother: mẹ Structure: This is my <i>father</i> .

Sing: hát Do Maths: làm toán Eat dinner: ăn tối Dance: nhảy múa Read books: đọc sách Watch TV: xem ti vi Play games: chơi trò chơi Go to the park: đi công viên Run: chạy Grammar Structures: What letter is it? / What number is it? What's your name? My name's How old are you? I'm What is it? It's a What are they? They are			
---	--	--	--